

Số: /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế thành lập, quản lý và vận hành doanh nghiệp spin-off
tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Đầu tư 2020;
- Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022;
- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017;
- Căn cứ Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018;
- Căn cứ Luật Công chức 2008 (sửa đổi 2019);
- Nghị định số 263/2025/NĐ-CP, ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Nghị định số 271/2025/NĐ-CP, ngày 15/10/2025 của Chính phủ: Quy định về thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Nghị định số 109/2022/NĐ-CP, ngày 30/12/2022 của Chính phủ: Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.
- Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

- Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 5813/QĐ-HVN ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 1874/QĐ-HVN ngày 12/4/2022 của Giám đốc HVNN về quản lý hoạt động KH&CN;

- Xét đề nghị của Trưởng Ban Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế thành lập, quản lý và vận hành doanh nghiệp spin-off tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KHCN, TCCB (05).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan

DỰ THẢO QUY ĐỊNH THÀNH LẬP, QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH DOANH NGHIỆP SPIN-OFF TẠI HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-KHCN ngày ... tháng ... năm 2025 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Đầu tư 2020;
- Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022;
- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017;
- Căn cứ Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018;
- Căn cứ Luật Công chức 2008 (sửa đổi 2019);
- Nghị định số 263/2025/NĐ-CP, ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, ngày 14/10/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Nghị định số 271/2025/NĐ-CP, ngày 15/10/2025 của Chính phủ: Quy định về thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Nghị định số 109/2022/NĐ-CP, ngày 30/12/2022 của Chính phủ: Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này áp dụng cho toàn bộ hoạt động liên quan đến doanh nghiệp spin-off được thành lập mới, cũng như hoạt động của doanh nghiệp có vốn góp của Học viện khi thương mại hóa kết quả nghiên cứu thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của Học viện.

2. Phạm vi điều chỉnh gồm:

a) Thành lập doanh nghiệp khởi nguồn khoa học và công nghệ (doanh nghiệp spin-off) trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ và các nguồn lực khoa học, công nghệ thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

b) Học viện tham gia thành lập doanh nghiệp hoặc góp vốn vào doanh nghiệp nhằm thương mại hóa kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ của Học viện.

c) Quản lý phần vốn của Học viện tại doanh nghiệp spin-off hoặc doanh nghiệp có vốn góp của Học viện; trách nhiệm, quyền hạn của người đại diện phần vốn.

d) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc Học viện trong quá trình đề xuất, thẩm định, triển khai và vận hành doanh nghiệp spin-off.

đ) Cơ chế đối với viên chức, nhà khoa học, nhóm tác giả tham gia quản lý, điều hành hoặc trực tiếp hoạt động tại doanh nghiệp spin-off.

e) Quy định về quản lý tài sản công, tài sản trí tuệ, chuyển giao công nghệ, phân chia lợi ích và xử lý rủi ro trong quá trình hình thành và vận hành doanh nghiệp spin-off.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam, bao gồm: khoa, viện, trung tâm, phòng ban, các tổ chức nghiên cứu, đào tạo và các đơn vị trực thuộc khác có liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

2. Viên chức, nhà khoa học, người lao động đang làm việc tại Học viện có tham gia nghiên cứu, sáng chế, phát minh, giải pháp hữu ích, phần mềm, quy trình công nghệ hoặc các kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ khác được sử dụng để hình thành doanh nghiệp spin-off.

3. Tác giả, đồng tác giả, nhóm tác giả của kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ hoặc sản phẩm khoa học, công nghệ được sử dụng để góp vốn, chuyển giao hoặc thương mại hóa thông qua doanh nghiệp spin-off.

4. Người đại diện phần vốn của Học viện tại doanh nghiệp spin-off hoặc doanh nghiệp có vốn góp của Học viện; các cá nhân được Học viện cử tham gia quản lý, điều hành hoặc giám sát hoạt động của doanh nghiệp spin-off.

5. Doanh nghiệp spin-off, doanh nghiệp có vốn góp của Học viện hoặc doanh nghiệp được thành lập nhằm thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ, sản phẩm khoa học, công nghệ thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của Học viện.

6. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc hình thành, góp vốn, quản lý, khai thác, vận hành hoặc hợp tác với doanh nghiệp spin-off của Học viện.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Doanh nghiệp khởi nguồn khoa học và công nghệ (doanh nghiệp spin-off) là doanh nghiệp được thành lập dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ hoặc sáng kiến đổi mới sáng tạo thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của Học viện Nông nghiệp Việt Nam; có sự tham gia góp vốn hoặc chuyển giao công nghệ từ Học viện và/hoặc nhóm tác giả.

Doanh nghiệp có vốn góp của Học viện là doanh nghiệp mà Học viện góp vốn bằng tài sản trí tuệ, tài sản công hoặc các tài sản hợp pháp khác, nhưng không đáp ứng tiêu chí xác định là doanh nghiệp spin-off.

Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là sản phẩm của hoạt động nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm, phát triển công nghệ hoặc đổi mới sáng tạo tạo ra tri thức, sáng chế, giải pháp, quy trình, phần mềm, giống cây trồng, chế phẩm, vật liệu, dữ liệu, mô hình hoặc các sản phẩm khoa học, công nghệ khác.

Tài sản trí tuệ là các đối tượng được bảo hộ theo Luật Sở hữu trí tuệ, bao gồm: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, bản quyền tác giả và quyền liên quan, bí mật kinh doanh, giống cây trồng và các quyền sở hữu trí tuệ khác.

Quyền sở hữu tài sản trí tuệ là quyền xác lập đối với tài sản trí tuệ của Học viện hoặc nhóm tác giả dưới hình thức văn bằng bảo hộ, giấy chứng nhận đăng ký, hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu hoặc các hình thức theo quy định của pháp luật.

Quyền sử dụng kết quả nghiên cứu hoặc tài sản trí tuệ là quyền được phép khai thác, áp dụng, thương mại hóa, cấp phép hoặc chuyển giao kết quả nghiên cứu/tài sản trí tuệ theo hợp đồng, văn bản giao quyền hoặc theo quy định pháp luật, không nhất thiết đi kèm quyền sở hữu.

Góp vốn bằng tài sản trí tuệ là việc Học viện hoặc nhóm tác giả sử dụng quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với tài sản trí tuệ để đầu tư vào doanh nghiệp spin-off, được ghi nhận thành phần vốn và tỷ lệ sở hữu tương ứng trong vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Tài sản công là tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Học viện quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, bao gồm cả tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu và thiết bị, cơ sở vật chất được sử dụng để hình thành doanh nghiệp spin-off.

Tài sản hình thành sau đầu tư là công nghệ, sản phẩm, quy trình, kết quả nghiên cứu, phần mềm hoặc tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp spin-off, không thuộc kết quả nghiên cứu ban đầu của Học viện.

Người đại diện phần vốn của Học viện là cá nhân được Giám đốc Học viện bổ nhiệm để đại diện cho Học viện thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp tại doanh nghiệp spin-off hoặc doanh nghiệp có vốn góp của Học viện.

Nhóm tác giả là tập hợp các cá nhân tham gia tạo ra kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ hoặc sản phẩm khoa học, công nghệ được sử dụng để góp vốn, chuyển giao, thương mại hóa thông qua doanh nghiệp spin-off.

Hợp đồng chuyển giao công nghệ là thỏa thuận giữa Học viện (hoặc tác giả) và doanh nghiệp spin-off về việc chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hay toàn bộ công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ và Luật Sở hữu trí tuệ.

Hợp đồng cấp phép sử dụng tài sản trí tuệ là thỏa thuận cho phép doanh nghiệp spin-off được sử dụng tài sản trí tuệ của Học viện theo phạm vi, thời hạn, điều kiện và mức phí nhất định.

Thương mại hóa kết quả nghiên cứu là việc chuyển giao, khai thác, sử dụng, sản xuất thử nghiệm, sản xuất quy mô công nghiệp, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ dựa trên kết quả nghiên cứu hoặc tài sản trí tuệ nhằm mục đích thu lợi ích kinh tế hoặc xã hội.

Xung đột lợi ích là tình huống trong đó quyền lợi cá nhân của nhà khoa học, viên chức hoặc người đại diện phần vốn có khả năng tác động hoặc làm sai lệch việc thực hiện nhiệm vụ vì lợi ích chung của Học viện hoặc doanh nghiệp spin-off.

Định giá tài sản trí tuệ là việc xác định giá trị kinh tế của tài sản trí tuệ hoặc kết quả nghiên cứu bằng phương pháp được pháp luật công nhận, do tổ chức có chức năng thẩm định giá hoặc đơn vị đủ điều kiện thực hiện.

Điều 4. Nguyên tắc thành lập và vận hành doanh nghiệp spin-off

1. Tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ: Việc thành lập, góp vốn, vận hành và quản lý doanh nghiệp spin-off phải tuân thủ pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, tài sản công, doanh nghiệp, giáo dục đại học và các quy định nội bộ của Học viện.

2. Bảo đảm quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu: Doanh nghiệp spin-off chỉ được thành lập khi Học viện và/hoặc nhóm tác giả có đầy đủ quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu, công nghệ hoặc tài sản trí tuệ dùng để chuyển giao hoặc góp vốn.

3. Công khai, minh bạch và bảo toàn giá trị tài sản công: Việc sử dụng, định giá, góp vốn hoặc cấp phép sử dụng tài sản công và tài sản trí tuệ phải được thẩm định, phê duyệt theo đúng trình tự; bảo đảm minh bạch, không thất thoát, không làm giảm giá trị tài sản nhà nước.

4. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhóm tác giả và các bên liên quan: Nhóm tác giả được bảo đảm các quyền và lợi ích tương xứng với mức đóng góp; được tham gia hoặc không tham gia doanh nghiệp theo nguyên tắc tự nguyện; quyền lợi được xác lập rõ ràng, tránh chồng chéo và tranh chấp.

5. Tôn trọng tính độc lập pháp nhân và tự chủ của doanh nghiệp: Doanh nghiệp spin-off là pháp nhân độc lập, tự chủ về tài chính, tổ chức và quản trị; tự chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất, kinh doanh theo pháp luật; Học viện không can thiệp hành chính trái quy định.

6. Phòng ngừa xung đột lợi ích và bảo đảm liêm chính khoa học: Mọi cá nhân liên quan, bao gồm viên chức, nhà khoa học và người đại diện phần vốn, phải tuân thủ quy định về đạo đức nghề nghiệp, liêm chính khoa học và phòng ngừa xung đột lợi ích trong toàn bộ quá trình hợp tác với doanh nghiệp spin-off.

7. Giám sát theo chức năng, hỗ trợ theo định hướng: Học viện thực hiện giám sát phần vốn, tài sản trí tuệ và nghĩa vụ báo cáo của doanh nghiệp spin-off theo đúng chức năng; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển theo định hướng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

8. Hòa hòa lợi ích, hướng đến phát triển bền vững: Hoạt động của doanh nghiệp spin-off phải bảo đảm hòa hòa lợi ích của Học viện, nhóm tác giả, người đại diện phần vốn, doanh nghiệp và xã hội; góp phần phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, nâng cao giá trị khoa học, công nghệ và uy tín của Học viện.

CHƯƠNG II. THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP SPIN-OFF

Điều 5. Điều kiện thành lập doanh nghiệp spin-off.

Doanh nghiệp spin-off được xem xét thành lập khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có kết quả nghiên cứu, công nghệ hoặc tài sản trí tuệ hợp pháp: Kết quả nghiên cứu, công nghệ hoặc tài sản trí tuệ dự kiến sử dụng để hình thành doanh nghiệp phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của Học viện và/hoặc nhóm tác giả; có đầy đủ hồ sơ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng theo quy định của pháp luật; đồng thời bảo đảm tính ứng dụng, khả năng chuyển giao và tiềm năng thương mại hóa.

2. Tài sản góp vốn được định giá theo quy định pháp luật: Tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu hoặc tài sản công dự kiến góp vốn vào doanh nghiệp phải được định giá bởi tổ chức hoặc đơn vị có đủ điều kiện theo quy định; có chứng thư định giá và hồ sơ thuyết minh phương pháp định giá kèm theo, bảo đảm tính khách quan, minh bạch và phù hợp với giá trị thực tế.

3. Có Đề án thành lập doanh nghiệp spin-off đáp ứng yêu cầu chuyên môn và pháp lý: Đề án phải thể hiện rõ: mô tả kết quả nghiên cứu hoặc tài sản trí tuệ sử dụng; phương án góp vốn và cơ cấu sở hữu; mô hình tổ chức và phương án nhân sự; phương án sản xuất, kinh doanh; dự thảo Điều lệ doanh nghiệp và các nội dung bắt buộc khác theo quy định của Học viện. Đề án phải được thẩm định về khoa học, công nghệ, pháp lý, sở hữu trí tuệ, tài chính, tài sản góp vốn và nhân sự theo quy trình thẩm định của Học viện; chỉ được triển khai sau khi được Giám đốc Học viện phê duyệt chủ trương và được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận bằng văn bản.

4. Có cam kết thực hiện của tổ chức hoặc cá nhân đề xuất: Tổ chức hoặc cá nhân đề xuất thành lập doanh nghiệp spin-off phải có cam kết bằng văn bản về việc tuân thủ pháp luật và các quy định nội bộ của Học viện; bảo mật thông tin, công nghệ và tài sản trí tuệ; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh; đồng thời bảo đảm không để xảy ra xung đột lợi ích trong quá trình thành lập, quản lý và vận hành doanh nghiệp.

Điều 6. Hồ sơ đề xuất thành lập spin-off

Hồ sơ đề xuất thành lập doanh nghiệp spin-off bao gồm các tài liệu sau:

1. Tờ trình đề xuất thành lập doanh nghiệp spin-off, nêu rõ sự cần thiết, mục tiêu, phạm vi công nghệ hoặc tài sản trí tuệ dự kiến sử dụng, phương án triển khai và các kiến nghị đối với Học viện.

2. Đề án thành lập doanh nghiệp spin-off, trong đó trình bày tối thiểu các nội dung:

a) Mô tả kết quả nghiên cứu, công nghệ hoặc tài sản trí tuệ sử dụng để hình thành doanh nghiệp;

b) Phương án góp vốn, cơ cấu sở hữu và tỷ lệ vốn của các bên;

c) Mô hình tổ chức và phương án nhân sự;

d) Phương án sản xuất, kinh doanh và phân tích thị trường;

đ) Dự kiến hiệu quả kinh tế - xã hội;

e) Dự thảo Điều lệ doanh nghiệp;

g) Kế hoạch quản trị rủi ro.

3. Hồ sơ pháp lý về kết quả nghiên cứu hoặc tài sản trí tuệ, bao gồm văn bằng bảo hộ, đơn đăng ký, biên bản giao quyền, hồ sơ nghiệm thu hoặc các tài liệu khác chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ định giá tài sản góp vốn, gồm chứng thư định giá, tài liệu thuyết minh phương pháp định giá và các chứng cứ liên quan đến giá trị tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu hoặc tài sản công dự kiến sử dụng để góp vốn.

5. Hồ sơ về nhân sự tham gia doanh nghiệp, bao gồm danh sách nhân sự chủ chốt, dự kiến người đại diện phần vốn của Học viện và các tài liệu chứng minh năng lực của nhân sự tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp.

6. Ý kiến thẩm định hoặc đề xuất của đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó nêu rõ sự phù hợp của đề xuất với chiến lược khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo của Học viện.

7. Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của Học viện hoặc theo quy định pháp luật tại thời điểm thẩm định.

Điều 7. Thẩm định hồ sơ và Hội đồng thẩm định

1. Hồ sơ đề xuất thành lập doanh nghiệp spin-off phải được thẩm định trước khi trình Giám đốc Học viện xem xét phê duyệt chủ trương. Việc thẩm định được thực hiện nhằm đánh giá tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; tính khả thi của Đề án; tính hợp pháp của kết quả nghiên cứu hoặc tài sản trí tuệ; và tính phù hợp của mô hình doanh nghiệp với định hướng khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo của Học viện.

2. Nội dung thẩm định hồ sơ bao gồm:

a) Thẩm định về khoa học, công nghệ, tập trung vào tính mới, tính ứng dụng, khả năng chuyển giao và khả năng thương mại hóa của kết quả nghiên cứu hoặc tài sản trí tuệ;

b) Thẩm định về pháp lý và sở hữu trí tuệ, bảo đảm tính hợp pháp của quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng, phạm vi quyền, khả năng bảo hộ và các rủi ro pháp lý liên quan;

c) Thẩm định về tài chính, tài sản góp vốn, bao gồm tính hợp lý của phương án góp vốn, kết quả định giá và khả năng bảo toàn, phát triển giá trị tài sản của Học viện;

d) thẩm định về tổ chức và nhân sự, bao gồm năng lực của nhân sự tham gia, tính phù hợp của mô hình tổ chức và dự kiến người đại diện phần vốn của Học viện.

Các đơn vị tham gia thẩm định

a) Ban Khoa học và Công nghệ chủ trì thẩm định về nội dung khoa học, công nghệ, khả năng thương mại hóa và tính phù hợp của Đề án đối với chiến lược phát triển khoa học, công nghệ của Học viện;

b) Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế chủ trì thẩm định về pháp lý, sở hữu trí tuệ, hợp đồng chuyển giao và rủi ro pháp lý;

c) Ban Tài chính thẩm định về phương án tài chính, giá trị tài sản góp vốn, phương án huy động vốn và khả năng bảo toàn tài sản công;

d) Các đơn vị liên quan khác (nếu cần thiết) tham gia thẩm định theo lĩnh vực chuyên môn hoặc theo yêu cầu của Học viện.

3. Hình thức thẩm định

Thẩm định được thực hiện bằng hình thức xem xét hồ sơ hoặc Hội đồng thẩm định nếu cần thiết. Hội đồng thẩm định được thành lập theo quyết định của Giám đốc Học viện, bao gồm đại diện các đơn vị chuyên môn và chuyên gia độc lập.

4. Kết quả thẩm định

a) Kết quả thẩm định được lập thành văn bản, nêu rõ các nội dung đã thẩm định, mức độ đáp ứng điều kiện của hồ sơ và đề xuất xử lý;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu, đơn vị thẩm định phải nêu rõ nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa và thời hạn hoàn thiện;

c) Hồ sơ chỉ được trình Giám đốc Học viện xem xét phê duyệt khi đã được kết luận đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thẩm định.

5. Thời hạn thẩm định

Việc thẩm định hồ sơ được thực hiện trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần kéo dài thời gian thẩm định để làm rõ các nội dung chuyên môn hoặc pháp lý, đơn vị thẩm định phải báo cáo và được Giám đốc Học viện chấp thuận.

Điều 8. Định giá tài sản trí tuệ và kết quả nghiên cứu và tài sản khác

1. Tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu, tài sản công và các tài sản hợp pháp khác dự kiến sử dụng để góp vốn vào doanh nghiệp spin-off phải được định giá theo quy định của pháp luật, bảo đảm khách quan, minh bạch, chính xác và không làm thất thoát tài sản của Nhà nước. Việc định giá được thực hiện trước khi trình Giám đốc Học viện phê duyệt chủ trương thành lập doanh nghiệp.

2. Việc định giá được thực hiện bởi:

- a) Tổ chức thẩm định giá có chức năng theo Luật Giá;
- b) Đơn vị, tổ chức có đủ điều kiện định giá tài sản trí tuệ và kết quả nghiên cứu theo quy định;
- c) Hội đồng định giá do Học viện thành lập trong một số trường hợp đặc thù theo quy định.

3. Việc định giá phải xác định đầy đủ:

- a) Phạm vi quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản trí tuệ;
- b) Mức độ hoàn thiện, khả năng ứng dụng và giá trị sử dụng của công nghệ hoặc kết quả nghiên cứu;
- c) Giá trị tài sản công, trang thiết bị, cơ sở vật chất hoặc tài sản khác nếu tham gia góp vốn;
- d) Giá trị kinh tế dự kiến, tiềm năng khai thác và các quyền, giới hạn, rủi ro liên quan.

4. Hồ sơ định giá bao gồm:

- a) Chứng thư định giá;
- b) Thuyết minh phương pháp định giá;
- c) Tài liệu pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng;
- d) Tài liệu kỹ thuật mô tả công nghệ, quy trình hoặc tài sản góp vốn;
- e) Dữ liệu, bằng chứng liên quan đến giá trị kinh tế, thị trường, chu kỳ công nghệ;
- f) Các tài liệu khác theo yêu cầu của Học viện hoặc pháp luật.

5. Đơn vị định giá áp dụng một hoặc nhiều phương pháp sau đây:

- a) Phương pháp chi phí;
- b) Phương pháp thu nhập;
- c) Phương pháp thị trường;
- d) Phương pháp kết hợp;
- đ) Phương pháp định giá đặc thù đối với tài sản trí tuệ, phần mềm, dữ liệu, công nghệ, kết quả nghiên cứu hoặc tài sản vô hình khác theo quy định pháp luật.

6. Học viện có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ định giá; phối hợp với đơn vị định giá để làm rõ các nội dung cần thiết; thẩm tra kết quả định giá trước khi sử dụng; và bảo đảm việc định giá không làm giảm giá trị hoặc thất thoát tài sản công, tài sản trí tuệ thuộc quyền quản lý của Học viện.

7. Kết quả định giá là căn cứ để xác định tỷ lệ góp vốn, cơ cấu sở hữu, lập Đề án thành lập doanh nghiệp spin-off, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt chủ trương và ghi nhận phần vốn góp của Học viện và các bên liên quan theo quy định pháp luật.

8. Kết quả định giá có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ban hành. Trường hợp hết thời hạn hoặc có thay đổi đáng kể về công nghệ, phạm vi quyền hoặc điều kiện thị trường, Học viện yêu cầu thực hiện định giá lại để bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế.

Điều 9. Xin chủ trương Bộ Nông nghiệp và Môi trường và phê duyệt của Giám đốc Học viện

1. Việc thành lập doanh nghiệp spin-off hoặc Học viện tham gia góp vốn vào doanh nghiệp phải được Giám đốc Học viện phê duyệt chủ trương và được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận bằng văn bản, trước khi triển khai các thủ tục thành lập doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

2. Sau khi hoàn thành thẩm định theo quy định tại Điều 7, đơn vị chủ trì có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, hoàn thiện Đề án và dự thảo Tờ trình để báo cáo Giám đốc Học viện xem xét, tiến hành thủ tục xin chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Hồ sơ xin chủ trương Bộ Nông nghiệp và Môi trường bao gồm:

- a) Tờ trình của Học viện đề nghị chấp thuận chủ trương thành lập doanh nghiệp spin-off hoặc góp vốn vào doanh nghiệp;
- b) Đề án thành lập doanh nghiệp spin-off đã được hoàn thiện;
- c) Văn bản thẩm định của các đơn vị chức năng;
- d) Hồ sơ pháp lý về kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ và tài sản góp vốn;
- đ) Hồ sơ định giá tài sản góp vốn;
- e) Các tài liệu khác theo yêu cầu của Bộ hoặc theo quy định pháp luật.

4. Học viện gửi hồ sơ theo đúng quy định và phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ trong quá trình thẩm định. Các đơn vị thuộc Học viện có trách nhiệm giải trình, bổ sung hoặc hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của Bộ để bảo đảm việc xem xét hồ sơ được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn. Trường hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường có yêu cầu làm rõ nội dung hoặc bổ sung tài liệu, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn được yêu cầu, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và tuân thủ quy định pháp luật.

5. Khi có văn bản chấp thuận chủ trương của Bộ, Giám đốc Học viện xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương thành lập doanh nghiệp spin-off và thông báo cho đơn vị chủ trì, nhóm tác giả và các đơn vị liên quan để triển khai các bước tiếp theo theo quy định pháp luật và Quy định này.

6. Ban Khoa học và Công nghệ chủ trì theo dõi tiến độ, tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ liên quan đến quá trình xin chủ trương; đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ và an toàn của hồ sơ.

Điều 10. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp

1. Việc đăng ký thành lập doanh nghiệp spin-off được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận chủ trương của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Quyết định phê duyệt chủ trương của Giám đốc Học viện. Đơn vị chủ trì phối hợp với nhóm tác giả và các đơn vị liên quan để chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

3. Người đại diện phần vốn của Học viện có trách nhiệm ký kết các văn bản liên quan đến đăng ký doanh nghiệp trên cơ sở ủy quyền hợp pháp của Học viện; phối hợp với đơn vị chủ trì trong việc chuẩn bị, rà soát và nộp hồ sơ.

4. Doanh nghiệp spin-off thực hiện việc công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo thời hạn quy định; mọi thay đổi thông tin phải được cập nhật kịp thời theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG III. GÓP VỐN BẰNG TÀI SẢN TRÍ TUỆ VÀ TÀI SẢN KHÁC

Điều 11. Nguyên tắc góp vốn

1. Việc góp vốn của Học viện vào doanh nghiệp spin-off phải tuân thủ quy định của pháp luật về tài sản công, sở hữu trí tuệ, khoa học – công nghệ và doanh nghiệp; bảo đảm sử dụng tài sản đúng mục đích, không làm thất thoát tài sản nhà nước và phù hợp với định hướng phát triển khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo của Học viện.

2. Tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu, công nghệ hoặc các tài sản hợp pháp khác được sử dụng để góp vốn phải có hồ sơ pháp lý đầy đủ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp; phạm vi quyền góp vốn phải được xác định rõ ràng theo quy định pháp luật.

3. Việc định giá tài sản góp vốn phải được thực hiện bởi tổ chức có chức năng hoặc đơn vị đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; bảo đảm khách quan, độc lập, minh bạch và có chứng thư định giá, hồ sơ thuyết minh phương pháp và chứng cứ liên quan. Giá trị tài sản được ghi nhận không được vượt quá giá trị đã được định giá.

4. Tỷ lệ và phương thức góp vốn của Học viện được xác định trên cơ sở giá trị tài sản được định giá, mức độ đóng góp của Học viện vào quá trình hình thành kết quả nghiên cứu hoặc tài sản trí tuệ và nhu cầu kiểm soát rủi ro; việc góp vốn phải được ghi nhận đầy đủ trong Điều lệ doanh nghiệp, hợp đồng góp vốn và sổ sách kế toán.

5. Học viện bổ nhiệm người đại diện phần vốn để thực hiện quyền và nghĩa vụ tương ứng với phần vốn góp tại doanh nghiệp. Người đại diện phần vốn phải tuân thủ các quy định về quản lý tài sản công, bảo đảm trung thực, khách quan, báo cáo đầy đủ và không để phát sinh xung đột lợi ích.

6. Quá trình góp vốn phải xác định và kiểm soát rủi ro pháp lý, tài chính, thương mại và rủi ro liên quan đến tài sản trí tuệ. Các cá nhân tham gia không được sử dụng trái phép tài sản công, không được lợi dụng vị trí làm phát sinh xung đột lợi ích và phải tuân thủ đầy đủ yêu cầu về liên chính khoa học.

Điều 12. Tài sản được góp vốn

1. Tài sản góp vốn vào doanh nghiệp spin-off phải là tài sản hợp pháp, thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của Học viện và/hoặc nhóm tác giả; được xác định rõ phạm vi quyền, giá trị và hồ sơ pháp lý theo quy định của pháp luật.

2. Các loại tài sản được phép sử dụng để góp vốn, bao gồm:

a) Tài sản trí tuệ, gồm: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, phần mềm máy tính, cơ sở dữ liệu, bí mật kinh doanh, giống cây trồng, thiết kế quy trình, tài liệu kỹ thuật, bản quyền và các quyền tài sản khác theo Luật Sở hữu trí tuệ;

b) Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, gồm báo cáo khoa học, quy trình công nghệ, mô hình, thiết bị mẫu, sản phẩm thử nghiệm, công nghệ hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn chỉnh và các kết quả khác được pháp luật công nhận;

c) Tài sản công thuộc Học viện quản lý, gồm máy móc, thiết bị, phương tiện, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, công trình, vật tư, nguyên liệu, sản phẩm đào tạo, nghiên cứu và các tài sản khác theo Luật Tài sản công, được phép sử dụng để góp vốn sau khi đáp ứng điều kiện pháp luật;

d) Tài sản hợp pháp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, bao gồm tiền, tài sản hữu hình, tài sản vô hình và các quyền tài sản khác mà pháp luật không cấm giao dịch.

3. Tài sản công được sử dụng để góp vốn phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý tài sản công và chỉ được thực hiện khi:

a) Tài sản phù hợp với mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp spin-off;

b) Việc sử dụng tài sản không làm ảnh hưởng đến hoạt động thường xuyên của Học viện;

c) Tài sản đã được định giá theo quy định và được Giám đốc Học viện phê duyệt;

d) Không thuộc nhóm tài sản pháp luật cấm sử dụng để góp vốn.

4. Các tài sản được góp vốn phải được mô tả, định lượng và ghi nhận đầy đủ trong: Đề án thành lập doanh nghiệp spin-off; Điều lệ doanh nghiệp; hợp đồng góp vốn; hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; và sổ kế toán theo quy định pháp luật.

5. Mọi tài sản sử dụng để góp vốn phải bảo đảm không tranh chấp, không bị kê biên, không bị hạn chế chuyển giao, trừ khi pháp luật có quy định khác và được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 13. Tỷ lệ sở hữu và xác lập vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của doanh nghiệp spin-off được xác lập trên cơ sở giá trị tài sản góp vốn của các bên, gồm tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu, tài sản công và các tài sản hợp pháp khác theo quy định. Giá trị từng loại tài sản góp vốn phải được xác định cụ thể, có hồ sơ pháp lý và kết quả định giá theo quy định pháp luật.

2. Tỷ lệ sở hữu của Học viện và các bên liên quan được xác định tương ứng với giá trị tài sản góp vốn; đồng thời căn cứ vào mức độ đóng góp của Học viện trong quá trình hình thành kết quả nghiên cứu hoặc tài sản trí tuệ, mục tiêu kiểm soát rủi ro và yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Tỷ lệ vốn góp phải được thể hiện rõ trong Đề án thành lập doanh nghiệp và Điều lệ doanh nghiệp.

3. Việc ghi nhận và thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu phải được thực hiện đúng quy định của pháp luật và Quy định này; được thể hiện đầy đủ trong Điều lệ doanh nghiệp, hợp đồng góp vốn, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và sổ đăng ký thành viên/cổ đông. Mọi thay đổi liên quan đến phần vốn góp của Học viện chỉ được thực hiện khi có thẩm định của đơn vị chức năng và quyết định phê duyệt của Giám đốc Học viện; trường hợp pháp luật quy định phải báo cáo hoặc xin phép, Học viện thực hiện theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 14. Hợp đồng góp vốn và quản lý tài sản góp vốn

1. Việc góp vốn của Học viện vào doanh nghiệp spin-off phải được lập thành Hợp đồng góp vốn, trong đó xác định rõ giá trị tài sản góp vốn, tỷ lệ sở hữu, thời điểm góp vốn, quyền và nghĩa vụ của các bên, phạm vi quyền đối với tài sản trí tuệ hoặc tài sản công, phương thức quản lý và cơ chế xử lý rủi ro. Hợp đồng góp vốn phải phù hợp với Đề án thành lập doanh nghiệp đã được phê duyệt và Điều lệ doanh nghiệp.

2. Tài sản góp vốn phải được bàn giao, ghi nhận và quản lý đầy đủ, đúng quy định, bao gồm: mô tả chi tiết tài sản góp vốn; hồ sơ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng; kết quả định giá; biên bản bàn giao; và việc ghi nhận trong Điều lệ doanh nghiệp, hợp đồng góp vốn và sổ đăng ký thành viên hoặc cổ

đồng. Mọi tài sản được góp vốn phải được ghi rõ giá trị, phạm vi quyền và các hạn chế.

3. Học viện có trách nhiệm quản lý, theo dõi và bảo toàn tài sản góp vốn, bảo đảm giá trị tài sản công và tài sản trí tuệ không bị sử dụng sai mục đích, không bị thất thoát hoặc giảm giá trị trái quy định. Người đại diện phần vốn của Học viện có trách nhiệm giám sát việc sử dụng tài sản góp vốn tại doanh nghiệp, kiểm tra hồ sơ tài chính và báo cáo định kỳ cho Học viện theo quy định.

4. Thay đổi, điều chỉnh hoặc xử lý tài sản góp vốn chỉ được thực hiện khi có đề nghị của doanh nghiệp spin-off, ý kiến thẩm định của đơn vị chức năng và quyết định của Giám đốc Học viện. Những thay đổi liên quan đến tài sản công hoặc tài sản trí tuệ của Học viện chỉ được thực hiện sau khi tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật và, nếu thuộc trường hợp bắt buộc, phải được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận.

Điều 15. Cơ chế phân chia lợi ích và nghĩa vụ tài chính

1. Lợi ích tài chính từ hoạt động của doanh nghiệp spin-off được phân chia theo tỷ lệ vốn góp, được ghi nhận trong Điều lệ doanh nghiệp và Hợp đồng góp vốn; việc phân chia lợi nhuận phải tuân thủ quy định của pháp luật và báo cáo tài chính đã được xác nhận theo quy định.

2. Học viện được hưởng lợi ích tương ứng với phần vốn góp, bao gồm lợi nhuận sau thuế và các khoản thu phát sinh từ chuyển nhượng phần vốn góp (nếu có). Việc quản lý, hạch toán và sử dụng các khoản thu này được thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công và quy định nội bộ của Học viện.

3. Nhóm tác giả và các tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn được hưởng lợi ích tài chính tương ứng với tỷ lệ vốn góp, theo Điều lệ doanh nghiệp và các thỏa thuận giữa các bên.

4. Doanh nghiệp spin-off và các bên góp vốn có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, bao gồm các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và theo các cam kết trong Hợp đồng góp vốn và các thỏa thuận có liên quan.

5. Việc phân chia lợi ích phải bảo đảm công khai, minh bạch, được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của doanh nghiệp; Học viện có quyền yêu cầu cung cấp báo cáo tài chính, báo cáo thuế và tài liệu liên quan để phục vụ việc kiểm tra phần vốn góp.

6. Khi thay đổi tỷ lệ vốn góp hoặc vốn điều lệ, quyền lợi và nghĩa vụ tài chính của các bên được điều chỉnh tương ứng, được thể hiện trong văn bản sửa đổi Điều lệ doanh nghiệp và hồ sơ liên quan theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV. NHÂN SỰ VÀ QUẢN LÝ PHẦN VỐN CỦA HỌC VIỆN

Điều 16. Người đại diện phần vốn của Học viện

1. Người đại diện phần vốn của Học viện tại doanh nghiệp spin-off được Giám đốc Học viện bổ nhiệm bằng văn bản, trên cơ sở đề xuất của đơn vị chủ trì và ý kiến thẩm định của đơn vị chức năng.

2. Người đại diện phần vốn phải đáp ứng các tiêu chuẩn:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, không vi phạm quy định về liêm chính khoa học và xung đột lợi ích;

b) Có năng lực quản lý, am hiểu pháp luật liên quan;

c) Không trong thời gian bị xem xét kỷ luật, không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự;

d) Có trình độ phù hợp với lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp spin-off.

3. Nhiệm kỳ của người đại diện phần vốn do Giám đốc Học viện quyết định và có thể được xem xét bổ nhiệm lại hoặc thay thế khi cần thiết.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của người đại diện

1. Người đại diện phần vốn có trách nhiệm:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ tương ứng với phần vốn góp của Học viện;

b) Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Học viện trong hoạt động của doanh nghiệp;

c) Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động, tài chính và sử dụng tài sản góp vốn của doanh nghiệp;

d) Đề xuất kịp thời biện pháp bảo toàn và phát triển phần vốn của Học viện;

đ) Tuân thủ các quy định về quản lý tài sản công và quy định nội bộ của Học viện.

2. Người đại diện phần vốn có quyền:

a) Tham gia thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Điều lệ doanh nghiệp;

b) Yêu cầu doanh nghiệp cung cấp tài liệu, báo cáo liên quan đến hoạt động và tình hình tài chính;

c) Kiến nghị Học viện về các vấn đề liên quan đến phần vốn góp và quyền lợi của Học viện.

3. Người đại diện phần vốn chịu trách nhiệm trước Giám đốc Học viện về việc thực hiện nhiệm vụ; trường hợp thực hiện không đầy đủ, gây thiệt hại đến phần vốn của Học viện thì bị xử lý theo quy định pháp luật và quy định nội bộ.

Điều 18. Chính sách cho viên chức tham gia spin-off

1. Viên chức của Học viện được tham gia doanh nghiệp spin-off dưới các hình thức: góp vốn, tham gia quản lý, tham gia thực hiện chuyển giao công nghệ hoặc tham gia hoạt động chuyên môn theo quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Viên chức tham gia doanh nghiệp spin-off phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ tại Học viện; trường hợp tham gia quản lý hoặc điều hành doanh nghiệp phải được Giám đốc Học viện xem xét, chấp thuận bằng văn bản.

3. Viên chức tham gia doanh nghiệp spin-off được hưởng các khoản thù lao, lợi ích theo thỏa thuận trong Điều lệ doanh nghiệp và hợp đồng liên quan; việc nhận thù lao phải minh bạch, kê khai và tuân thủ quy định về phòng chống xung đột lợi ích.

4. Viên chức không được sử dụng trái phép tài sản công, thông tin, kết quả nghiên cứu, trang thiết bị hoặc cơ sở vật chất của Học viện để phục vụ hoạt động của doanh nghiệp spin-off khi chưa được phép.

5. Trường hợp viên chức tham gia doanh nghiệp spin-off gây ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Học viện hoặc vi phạm quy định pháp luật, Học viện có quyền thu hồi quyết định chấp thuận, xử lý kỷ luật hoặc đề xuất xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 19. Quy định về liêm chính khoa học, xung đột lợi ích

1. Việc thành lập và vận hành doanh nghiệp spin-off phải tuân thủ nghiêm các quy định về liêm chính khoa học; nghiêm cấm các hành vi gian lận, xuyên tạc kết quả nghiên cứu, chiếm đoạt tài sản trí tuệ hoặc sử dụng trái phép tài sản công.

2. Các cá nhân tham gia doanh nghiệp spin-off phải kê khai và báo cáo trung thực các lợi ích liên quan; mọi xung đột lợi ích phải được phát hiện, báo cáo và xử lý kịp thời theo quy định của Học viện và pháp luật.

3. Người đại diện phần vốn và viên chức tham gia doanh nghiệp spin-off không được tham gia thẩm định, phê duyệt hoặc quyết định các nội dung liên quan trực tiếp đến lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của doanh nghiệp.

4. Các cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc sử dụng thông tin nội bộ của Học viện để trục lợi hoặc tạo lợi thế không công bằng cho doanh nghiệp spin-off.

5. Học viện có quyền kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm liên quan đến liêm chính khoa học và xung đột lợi ích; tùy mức độ vi phạm, cá nhân liên quan có thể bị xử lý kỷ luật, bồi thường thiệt hại hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V. VẬN HÀNH DOANH NGHIỆP SPIN-OFF

Điều 20. Quan hệ giữa Học viện và doanh nghiệp spin-off

1. Doanh nghiệp spin-off hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp; Học viện không can thiệp vào hoạt động quản trị, điều hành của

doanh nghiệp, trừ các trường hợp liên quan trực tiếp đến phần vốn góp và quyền lợi hợp pháp của Học viện.

2. Quan hệ giữa Học viện và doanh nghiệp spin-off được thực hiện thông qua:

- a) Người đại diện phần vốn của Học viện;
- b) Các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác;
- c) Các cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo theo quy định tại Quy định này.

3. Học viện hỗ trợ doanh nghiệp spin-off trong phạm vi phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, bao gồm: kết nối nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ tiếp cận cơ sở vật chất; kết nối chuyên gia; và các hoạt động hỗ trợ khác theo thỏa thuận cụ thể.

4. Doanh nghiệp spin-off có trách nhiệm bảo đảm sử dụng đúng mục đích các tài sản, nguồn lực được Học viện tạo điều kiện; tuân thủ các quy định của Học viện về an toàn, an ninh, bảo mật và liêm chính khoa học.

Điều 21. Sử dụng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị của Học viện

1. Việc doanh nghiệp spin-off sử dụng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ hoặc dịch vụ kỹ thuật của Học viện được thực hiện trên cơ sở hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Học viện.

2. Doanh nghiệp spin-off phải thanh toán chi phí sử dụng cơ sở vật chất, dịch vụ thí nghiệm, phân tích, kiểm định và các chi phí liên quan theo mức giá, biểu phí hoặc thỏa thuận đã được phê duyệt.

3. Việc sử dụng cơ sở vật chất phải bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo, nghiên cứu và các nhiệm vụ thường xuyên của Học viện; doanh nghiệp phải tuân thủ quy định an toàn lao động, an toàn sinh học, an toàn thông tin và các quy định chuyên môn của đơn vị quản lý trực tiếp cơ sở vật chất.

4. Trường hợp gây hư hỏng, thất thoát hoặc vi phạm quy định quản lý tài sản công, doanh nghiệp spin-off phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật và quy định của Học viện.

Điều 22. Hợp đồng chuyển giao công nghệ, cấp quyền sử dụng SHTT

1. Việc chuyển giao công nghệ, cấp quyền sử dụng tài sản trí tuệ hoặc các quyền liên quan từ Học viện cho doanh nghiệp spin-off phải được thực hiện thông qua hợp đồng hợp lệ, tuân thủ pháp luật về chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và các quy định của Học viện.

2. Hợp đồng phải xác định rõ phạm vi quyền, thời hạn, nghĩa vụ tài chính, giới hạn sử dụng, nghĩa vụ bảo mật và cơ chế xử lý tranh chấp; trường hợp là tài

sản công hoặc tài sản trí tuệ thuộc Học viện quản lý, việc ký hợp đồng phải tuân thủ đầy đủ quy định về quản lý tài sản công.

3. Doanh nghiệp spin-off phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính phát sinh từ hợp đồng chuyển giao công nghệ và cấp quyền sử dụng tài sản trí tuệ; việc ghi nhận, hạch toán và quản lý các khoản thu được Học viện thực hiện theo quy định pháp luật.

4. Học viện có quyền kiểm tra việc sử dụng công nghệ và quyền SHTT đã cấp; doanh nghiệp không được chuyển giao lại, cho thuê, thế chấp hoặc sử dụng trái với phạm vi quyền đã được cấp.

Điều 23. Kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ

1. Học viện thực hiện kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp spin-off nhằm bảo đảm việc sử dụng tài sản góp vốn, tài sản công, tài sản trí tuệ và các quyền được cấp tuân thủ quy định pháp luật và các thỏa thuận liên quan.

2. Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất, thông qua:

- a) Báo cáo định kỳ của người đại diện phần vốn;
- b) Báo cáo tài chính và hồ sơ hoạt động của doanh nghiệp;
- c) Kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp;
- d) Các yêu cầu cung cấp thông tin khi cần thiết.

3. Kết quả kiểm tra, giám sát là căn cứ để Học viện quyết định các biện pháp bảo toàn phần vốn, điều chỉnh hợp đồng hoặc đề xuất xử lý vi phạm (nếu có).

Điều 24. Chế độ báo cáo

1. Doanh nghiệp spin-off có trách nhiệm gửi báo cáo định kỳ cho Học viện, bao gồm:

- a) Báo cáo tài chính năm;
- b) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- c) Báo cáo về sử dụng tài sản trí tuệ, tài sản công và các quyền được cấp;
- d) Báo cáo chuyên đề theo yêu cầu.

2. Người đại diện phần vốn của Học viện gửi báo cáo định kỳ hằng quý và hằng năm cho Giám đốc Học viện, đồng thời báo cáo ngay khi phát sinh vấn đề ảnh hưởng đến quyền lợi của Học viện hoặc phần vốn góp.

3. Học viện có quyền yêu cầu doanh nghiệp cung cấp báo cáo đột xuất trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra hoặc xử lý rủi ro.

CHƯƠNG VI. GIẢI THỂ, CHUYỂN NHƯỢNG, CHẤM DỨT GÓP VỐN

Điều 25. Giải thể hoặc chấm dứt hoạt động doanh nghiệp spin-off

1. Doanh nghiệp spin-off giải thể hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp và các thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng góp vốn hoặc Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Khi doanh nghiệp spin-off giải thể, Học viện có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp và các bên liên quan để thực hiện:

- a) Kiểm kê tài sản góp vốn và quyền tài sản liên quan;
- b) Đối chiếu nghĩa vụ tài chính;
- c) Xác định giá trị phần vốn của Học viện tại thời điểm giải thể;
- d) Thực hiện thu hồi phần vốn góp hoặc phần giá trị còn lại theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động do vi phạm quy định về sử dụng tài sản công, tài sản trí tuệ hoặc vi phạm thỏa thuận với Học viện, Học viện có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và thu hồi tài sản theo quy định.

Điều 26. Chuyển nhượng phần vốn góp của Học viện

1. Việc chuyển nhượng phần vốn góp của Học viện tại doanh nghiệp spin-off được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp và Quy định này; phải bảo đảm công khai, minh bạch và không làm thất thoát tài sản công.

2. Học viện được phép chuyển nhượng phần vốn góp trong các trường hợp:

- a) Doanh nghiệp thay đổi chiến lược, không còn phù hợp với định hướng phát triển của Học viện;
- b) Doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả, có nguy cơ mất vốn;
- c) Theo yêu cầu tối ưu hóa danh mục đầu tư của Học viện;
- d) Theo đề nghị của doanh nghiệp và được Học viện xem xét chấp thuận.

3. Việc chuyển nhượng phần vốn góp phải được:

- a) Thẩm định giá trị phần vốn góp tại thời điểm chuyển nhượng;
- b) Thẩm định đề xuất chuyển nhượng của đơn vị chức năng;
- c) Quyết định phê duyệt của Giám đốc Học viện;
- d) Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong trường hợp pháp luật yêu cầu.

4. Các khoản thu từ chuyển nhượng phần vốn góp của Học viện phải được quản lý, hạch toán và sử dụng theo quy định pháp luật về tài sản công và quy định nội bộ của Học viện.

Điều 27. Chấm dứt góp vốn và thu hồi tài sản

1. Việc chấm dứt góp vốn của Học viện tại doanh nghiệp spin-off được thực hiện khi:

- a) Doanh nghiệp giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động;
- b) Học viện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp;
- c) Có quyết định của Giám đốc Học viện trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp hoặc yêu cầu quản lý tài sản công;
- d) Phát sinh vi phạm nghiêm trọng liên quan đến tài sản công, tài sản trí tuệ hoặc quyền lợi của Học viện.

2. Khi chấm dứt góp vốn, Học viện thực hiện thu hồi:

- a) Phần vốn góp hoặc giá trị phần vốn còn lại theo kết quả định giá tại thời điểm chấm dứt;
- b) Tài sản công được giao hoặc cho thuê còn lại (nếu có);
- c) Quyền sử dụng tài sản trí tuệ hoặc công nghệ đã cấp nếu hợp đồng quy định quyền thu hồi hoặc quyền chấm dứt sử dụng;
- d) Toàn bộ các quyền SHTT, tài liệu kỹ thuật, dữ liệu, mã nguồn, kết quả nghiên cứu hoặc các quyền liên quan thuộc sở hữu của Học viện đã được chuyển giao có điều kiện.

3. Thu hồi tài sản trí tuệ được thực hiện theo các nguyên tắc:

- a) Tuân thủ phạm vi và điều kiện đã quy định trong hợp đồng chuyển giao hoặc hợp đồng cấp quyền;
- b) Doanh nghiệp phải chấm dứt ngay việc sử dụng quyền SHTT, công nghệ hoặc dữ liệu khi Học viện thông báo chấm dứt;
- c) Doanh nghiệp có nghĩa vụ bàn giao lại tài liệu kỹ thuật, mã nguồn, hồ sơ công nghệ, dữ liệu và các tài sản vô hình khác còn hiệu lực;
- d) Trường hợp tài sản trí tuệ tiếp tục được doanh nghiệp sử dụng sau thời điểm chấm dứt, doanh nghiệp phải nộp phí sử dụng hoặc bồi thường theo quy định và hợp đồng.

4. Học viện có quyền kiểm tra, giám sát việc thu hồi tài sản và yêu cầu doanh nghiệp cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ quá trình thu hồi; nếu phát hiện vi phạm, Học viện có quyền yêu cầu bồi thường hoặc khởi kiện theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Giám đốc Học viện ban hành. Các nội dung liên quan đến thành lập, quản lý và vận hành doanh nghiệp spin-off không được quy định tại văn bản này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản quản lý nội bộ của Học viện.

2. Các doanh nghiệp spin-off đã thành lập trước thời điểm Quy định này có hiệu lực tiếp tục hoạt động theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các thỏa thuận đã ký kết, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp doanh nghiệp spin-off đang vận hành có nội dung không phù hợp với Quy định này, đơn vị chức năng của Học viện đề xuất phương án xử lý trình Giám đốc Học viện xem xét, quyết định.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Ban Khoa học và Công nghệ là đầu mối tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này; phối hợp với các đơn vị liên quan trong quản lý và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp spin-off của Học viện.

2. Ban Phòng Kế hoạch, Tài chính, Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế, Ban Tổ chức cán bộ và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện quản lý phần vốn của Học viện; thẩm định hồ sơ; kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản công, tài sản trí tuệ và các quyền được giao cho doanh nghiệp spin-off.

3. Các đơn vị thuộc Học viện, nhóm tác giả và doanh nghiệp spin-off có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định tại văn bản này và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Học viện về các nội dung được giao.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung quy định

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Giám đốc Học viện quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Khoa học và Công nghệ hoặc đơn vị có liên quan.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Ban Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, đề xuất Giám đốc Học viện xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.